

VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Giáo dục và Đào Tạo

Lời Mở Đầu

Người Việt Nam rất đề cao giáo dục. Đây là một đức tính tuyệt vời cho bất cứ quốc gia nào và sẽ giúp Việt Nam nâng cao khả năng cạnh tranh trên thế giới. Để đạt được mục tiêu này, chúng ta rất cần phải xây dựng một hệ thống giáo dục có chất lượng. Thanh niên Việt Nam, tham gia vào lực lượng lao động, cần phải có kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp họ trở thành người đóng góp có giá trị cho tăng trưởng kinh tế quốc gia. Chúng tôi sẽ đưa ra các lĩnh vực mà chúng tôi cảm thấy là tối quan trọng để đạt được một hệ thống giáo dục có chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế tại Việt Nam.

1. Trao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các trường ĐH-CĐ
2. Chất lượng và những vấn đề liên quan của giáo dục đại học
3. Giáo dục và đào tạo nghề
4. Mối liên quan giữa cấu trúc quản lý của một Trường học và một công ty,
5. Tỷ lệ phần trăm của sinh viên Việt Nam học tại các trường học quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài thấp

1. Trao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các trường ĐH-CĐ

Việc thành lập cơ sở giáo dục chất lượng cao là hết sức quan trọng. Vì vậy chúng ta cần phải tạo môi trường thuận lợi nhằm nâng cao chất lượng của các trường học trong nước bên cạnh việc thu hút tổ chức giáo dục đại học chất lượng ở nước ngoài. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 Tháng 6 năm 2012 cho phép các tổ chức giáo dục đại học có quyền tự quản về các vấn đề như tổ chức, nhân sự, tài chính, bất động sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo giáo dục đại học chất lượng và số lượng sinh viên. Tuy nhiên, trong thực tiễn các trường đại học vẫn còn chịu sự kiểm soát của Bộ GD & ĐT. Sau đây là một số kiến nghị của chúng tôi nhằm giúp nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam:

- Cung cấp các cơ sở giáo dục hoạt động trong khuôn khổ và cũng có quyền tự chủ trong hoạt động một cách có năng lực và hiệu quả. Luật giáo dục đại học đã cấp quyền tự quản cho các tổ chức giáo dục đại học vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, không có khuôn khổ pháp lý cụ thể quy định mức độ của quyền tự quản. Pháp luật phải bao gồm quy định minh bạch về quyền tự quản và cũng nên áp dụng cho các tổ chức giáo dục đại học địa phương.
- Tạo ra khuôn khổ pháp lý nhằm khuyến khích các tiêu chuẩn cao nhất cho các học viện địa phương, học viện liên doanh với các tổ chức nước ngoài, và cũng để khuyến khích các tổ chức nước ngoài chất lượng đến Việt Nam. Tiêu điểm là kết quả đạt được. Đối với học viện thành lập tại Việt Nam đã có sự hạn chế trong thành công. Hệ thống pháp luật và chính quyền nên khuyến khích việc thành lập các học viện chất lượng và không khuyến khích các học viện giảm sút về chất lượng. Một lần nữa, vấn đề quan trọng ở đây là quyền tự quản. Các trường đại học địa phương nên có quyền tự chủ hơn để hợp tác với các trường nước ngoài.

- Xác định cách xây dựng quản trị doanh nghiệp ở mức độ cao vào cơ sở giáo dục.
- Thực hiện hệ thống xếp hạng minh bạch và độc lập đối với tất cả các tổ chức giáo dục đại học.
- Khuyến khích các chương trình học quốc tế hơn hợp tác

2. Chất lượng và sự phù hợp của giáo dục đại học

Sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học cần phải có một nền giáo dục chất lượng và một trong những điều đó có liên quan đến nhu cầu của các ngành công nghiệp. Điều này cần hiệu quả, tức là thích đáng, có năng lực, tức là có chất lượng như mong muốn. Sau đây là một số kiến nghị chúng tôi xem xét để đạt được hệ thống giáo dục chất lượng cao:

- Cung cấp quyền tự quản cho các trường đại học địa phương để giúp họ đáp ứng nhu cầu của thị trường. Điều này bao gồm việc giúp đỡ để đảm bảo chương trình giảng dạy được phát triển nhằm cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp các năng lực cần thiết, bao gồm cả kỹ năng thực tế, trong các ngành công nghiệp quan trọng ở Việt Nam.
- Xác định các phương thức cải thiện tiêu chuẩn học tập của nhân viên để đảm bảo một môi trường học tập hiện đại được thực hiện. Các trường đại học địa phương cần được khuyến khích để phát triển các ứng cử viên tiến sĩ.
- Xác định các cách để cải thiện việc quản lý và điều hành của các tổ chức giáo dục đại học cấp cao. Có rất nhiều trường quốc tế biết làm thế nào trong lĩnh vực này và có thể chia sẻ cũng như thích nghi tại Việt Nam.

3. Giáo dục dạy nghề và đào tạo

Chính phủ cần tiếp tục nâng cao chất lượng chương trình giáo dục và đào tạo nghề dựa trên nhu cầu của ngành công nghiệp. Ví dụ, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất, góp phần phát triển kinh tế của Việt Nam, yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề cao trong khâu gia công có độ chính xác cao và các kỹ sư có thể cải tiến dây chuyền sản xuất. Các hoạt động của Dự án Phát triển nguồn nhân lực Kỹ thuật viên tại Đại học Công nghiệp Hà Nội¹ cung cấp nhiều bài học hữu ích khác nhau cho việc cải thiện chương trình đào tạo trong quan hệ đối tác với ngành công nghiệp. Các Chương trình Liên kết Giáo dục Kỹ thuật cao (HEEAP) sẽ là mối liên kết giữa chính phủ, các học viện, và ngành công nghiệp nhằm hiện đại hóa kỹ thuật trong giáo dục đại học tại trường công ở Việt Nam. Có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị các cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm, như Tổng cục Dạy nghề (TCDN) thuộc Bộ LĐTBXH, khuyến khích các cơ sở dạy nghề để nâng cao các chương trình bằng cách phân tích kỹ lưỡng nhu cầu của ngành công nghiệp. Báo cáo điều tra soạn thảo bởi Dự án Phát triển nhân lực kỹ thuật viên của trường Đại học Công nghiệp (HaUI-JICA) có thể là một tài liệu tham khảo tốt cho việc phân tích nhu cầu ngành công nghiệp của một tổ chức đào tạo nghề².
- Chính phủ cần đôn đốc các trường trung học đẩy mạnh các khóa học đào tạo nghề đến với học sinh của họ như là một lựa chọn cho tương lai. Điều này có thể đạt được bằng cách hợp tác với các trường học cung cấp các khóa học nghề và các doanh nghiệp muốn tuyển

dụng kỹ thuật viên có tay nghề. Ngành công nghiệp cần nhiều kỹ thuật viên và thực tế thì không phải tất cả học sinh tốt nghiệp trung học đều có thể bước vào trường đại học. Để thuyết phục học sinh trung học và cha mẹ các em về lợi ích của việc học các khóa học nghề, Chính phủ và các cơ sở dạy nghề phải tiến hành nghiên cứu con đường sự nghiệp của các sinh viên tốt nghiệp từ các khóa học nghề và kiểm tra nếu họ có xu hướng phải đối mặt với sự khác biệt về sự nghiệp giữa sinh viên tốt nghiệp trường đại học và sinh viên tốt nghiệp các khóa học nghề.

- Chính phủ nên xem xét làm thế nào để sinh viên tốt nghiệp từ các khóa học đào tạo nghề có thể có một vị trí kinh tế xã hội công bằng trong sự nghiệp của họ, và trong quan hệ đối tác chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp. Việc đẩy mạnh hơn nữa các kỹ năng đánh giá và thử nghiệm có thể là một giải pháp cho việc này. Các bài kiểm tra kỹ năng quốc gia đã được đưa ra, trên cơ sở thí điểm, trong lĩnh vực khai thác mỏ, thiết kế đồ họa, cơ điện tử, vận hành của trung tâm gia công cơ khí, và của máy tiện thông thường³. Đề nghị Chính phủ xây dựng một hệ thống cơ chế đánh giá kỹ năng bền vững để mở rộng thử nghiệm này trên toàn quốc trong nhiều ngành nghề hơn, và tham khảo ý kiến với cộng đồng doanh nghiệp.
- Chính phủ nên tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức để thay đổi suy nghĩ của người dân là sinh viên tốt nghiệp từ các khóa đào tạo nghề sẽ có một địa vị xã hội thấp. Đồng thời, cơ sở dạy nghề cần cải thiện môi trường đào tạo, để thoát khỏi hình ảnh mà người dân cho rằng nơi làm việc của họ dơ bẩn và không an toàn. Áp dụng khái niệm 5S vào phân xưởng và phòng học sẽ giúp đỡ họ, như trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã bắt đầu thực hiện trong khuôn viên của trường⁴.
- Chính phủ và các tổ chức đào tạo nghề nên xem xét làm thế nào để thu hút nhiều hơn sinh viên nữ vào các khóa học như vận hành máy móc mà ít nữ sinh viên có xu hướng thi tuyển vào. Có vẻ như nhiều công ty muốn tuyển kỹ thuật viên nữ nhiều hơn hoặc kỹ sư sản xuất, ngay cả đối với các quá trình như gia công nhưng thường ít có nhân viên nữ.
- Để thuyết phục học sinh trung học quan tâm đến chương trình dạy nghề, đề nghị Chính phủ nên cải thiện các con đường để sinh viên tốt nghiệp cao đẳng nghề có thể liên thông vào các khóa học đại học. Một số trường đại học đã bắt đầu chấp nhận các sinh viên tốt nghiệp cao đẳng nghề như là sinh viên học liên thông, nhưng họ vẫn còn là một thiểu số⁵. Nếu nhiều trường đại học tạo điều kiện cho việc liên thông của các sinh viên tốt nghiệp cao đẳng nghề, thì nhiều học sinh tốt nghiệp trường trung học sẽ xem xét các khóa học nghề như là một lựa chọn cho bản thân.

4. Cần có cách tiếp cận và phân biệt rõ ràng trong các vấn đề: tư cách pháp lý, cơ cấu quản lý, hoạt động ... giữa cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài với cơ sở giáo dục 100% Việt Nam

Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục, chúng ta chưa thấy được sự logic trong cách hiểu, cách tiếp cận về tư cách pháp lý, phương thức hoạt động và quản lý giữa cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài với cơ sở giáo dục 100% Việt Nam và vì thế dẫn đến việc rất khó có thể phân biệt một cách rõ ràng quy định pháp luật nào sẽ áp dụng đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; quy định pháp luật nào sẽ áp dụng đối với cả cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và cơ sở giáo dục 100% Việt Nam và quy định pháp luật nào sẽ chỉ có thể áp dụng riêng cho cơ sở giáo dục 100% Việt Nam. Ví dụ cụ thể như sau:

a. Về tư cách pháp lý (pháp nhân)

- Với cách tiếp cận truyền thống, lâu nay trường là do nhà nước lập ra, bỏ vốn đầu tư và điều hành bởi hệ thống các cơ quan quản lý về giáo dục. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhà nước chủ trương xã hội hóa, trường còn do các tổ chức, cá nhân (gọi chung là khối tư nhân) lập ra. Và do vậy, chúng ta cần phải thay đổi cách hiểu trong việc xác định ai là người sáng lập, bỏ vốn đầu tư và ai là điều hành hoạt động trường. Và cũng theo đó, pháp luật cần phải được sửa đổi để có những điều chỉnh hợp lý đối với sự thay đổi này.
- Khối tư nhân tham gia chủ trương xã hội hóa có nhiều thành phần và trong đó nhà đầu tư nước ngoài là một trong những thành phần đó. Hiển nhiên, đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện theo những thủ tục khác nhau, với hệ thống pháp luật khác nhau, họ có tư cách pháp lý khác nhau và do đó, việc quản lý hoạt động của họ cũng khác nhau;
- Đối với đầu tư trong nước trong lĩnh vực giáo dục: nhà nước cho phép các tổ chức, cá nhân là công dân Việt Nam tự bỏ vốn đầu tư và quản lý, điều hành hoạt động trường dưới sự giám sát của các cơ quan quản lý về giáo dục. Có 02 phương thức đầu tư chủ yếu mà các nhà đầu tư Việt Nam được quyền lựa chọn:
 - (i) Nhà đầu tư sẽ thành lập ra pháp nhân (Công ty), sau đó sử dụng Công ty này để đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành một (hoặc) nhiều trường ở nhiều địa điểm, tỉnh thành khác nhau; HOẶC
 - (ii) Nhà đầu tư tự đứng ra đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành trường mà không lập ra pháp nhân Công ty.
- Nhưng, đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục: nhà đầu tư nước ngoài chỉ có một phương thức đầu tư duy nhất là bắt buộc phải thành lập pháp nhân (Công ty) đồng thời sử dụng Công ty này để đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành trường. Họ phải xin được giấy chứng nhận đầu tư trong đó ghi nhận việc đăng ký thành lập công ty và thực hiện dự án đầu tư (trường học).
- Với các phương thức đầu tư khác nhau như trên, nên hệ thống pháp luật điều chỉnh và tư cách pháp lý của họ cũng hoàn toàn khác nhau. Trường có thể có tư cách pháp nhân độc lập HOẶC có thể chỉ là đơn vị kinh doanh phụ thuộc, trực thuộc quản lý của Công ty cụ thể:
 - Đối với trường hợp, nhà đầu tư không lập ra pháp nhân (Công ty) mà tự đứng ra đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành trường. Trong trường hợp này, Trường sẽ được xem là có tư cách pháp nhân độc lập theo đúng như quy định tại Điều 84, Bộ Luật Dân Sự, có tài sản độc lập, tự chịu trách nhiệm và tự nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật.
 - Nhưng đối với trường hợp, nhà đầu tư thành lập ra pháp nhân (Công ty) trước và sau đó sử dụng Công ty này để đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành trường thì Trường không đủ điều kiện để xác định là một pháp nhân độc lập vì Trường không có tài sản độc lập, không thể tự chịu trách nhiệm và tự nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật mà hoàn toàn phụ thuộc vào sự quản lý của Công ty. Trường chấm dứt hoạt động thì Công ty vẫn còn tồn tại để điều hành, quản lý nhiều trường khác. Và với những

phân tích ở trên, có thể kết luận trường có yếu tố nước ngoài không thể xác định có tư cách pháp nhân độc lập được.

- Tuy nhiên, trong hệ thống văn bản pháp luật hiện tại về giáo dục (từ mầm non cho đến cao đẳng đại học) đều xác định Trường có tư cách pháp nhân độc lập mà không phân biệt dựa vào các phương thức đầu tư cụ thể như trên. Với cách xác định này đã tạo ra **những mâu thuẫn giữa Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu Tư với văn bản pháp luật về giáo dục**. Và với mâu thuẫn giữa các luật này sẽ tạo ra khó khăn cho nhà nước trong việc tìm ra cách quản lý thống nhất khi Trường và Công ty là hai pháp nhân độc lập với nhau và tự chịu trách nhiệm riêng về hoạt động của mình.

b. Phân biệt cấu quản lý giữa Công ty và Trường học (do Công ty thành lập, quản lý)

- Xuất phát từ sự khác nhau về phương thức đầu tư như trên dẫn đến cơ cấu về quản lý giữa Công ty và Trường học (do Công ty thành lập, quản lý) cũng hoàn toàn khác nhau. Cụ thể, đối với trường hợp, nhà đầu tư thành lập ra pháp nhân (Công ty) và sử dụng Công ty này để đầu tư, phát triển, quản lý và điều hành trường thì:
 - Công ty phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật đầu tư và doanh nghiệp. Theo đó, cơ cấu quản lý công ty thường gồm: Đại hội đồng cổ đông (hội đồng thành viên); Hội đồng quản trị, Ban giám đốc
 - Trong khi đó Trường học lại chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các luật liên quan đến giáo dục. Theo đó cơ cấu quản lý thường gồm: Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn....
- Tuy nhiên, trong Nghị định 73, nghị định trực tiếp điều chỉnh về hợp tác đầu tư với nước ngoài không có quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức quản lý của Trường và không thấy có sự phân biệt rõ ràng về quản lý giữa Công ty và Trường học (do Công ty thành lập, quản lý)
- Dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật hiện hành cụ thể là các Điều lệ trường, các Quy chế tổ chức quản lý và hoạt động trường (*chúng tôi không rõ là có áp dụng với trường có vốn đầu tư nước ngoài không*) thì lại có các quy định hoàn toàn không phù hợp về cơ cấu quản lý giữa Trường và Công ty. Rất khó để phân biệt được cơ cấu quản lý của Công ty và của Trường, thậm chí có sự chòng chéo về quản lý giữa cả Công ty và Trường. Ví dụ, theo Điều lệ trường, thì cơ cấu quản lý trường gồm có: Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban giám hiệu, Ban giám đốc; các tổ chuyên môn; Tổ văn phòng, tổ chức đảng, đoàn thể; Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Hội đồng tư vấn... Trong khi đó, Công ty cũng lại có Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát....

Với các quy định hiện tại về cơ cấu quản lý trường học thể hiện rõ sự **không thống nhất giữa các quy định pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp với các quy định chuyên ngành về quản lý giáo dục**. Nhà đầu tư không biết sẽ áp dụng mô hình quản lý nào để tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong khi đó nhà nước cũng sẽ rất khó khăn trong việc quản lý. Đặc biệt, quan điểm này đã tồn tại trong tất cả các văn bản pháp luật từ cấp mầm non cho đến cấp cao đẳng, đại học từ rất lâu nay.

Chúng tôi đề nghị, riêng đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư là cơ quan cấp phép đầu tư và Bộ Giáo dục và Đào Tạo là cơ quan quản lý về giáo dục cần phải phối hợp để ban hành những quy định, hướng dẫn rất cụ thể về cơ cấu

quản lý của Trường và cần đặt trong mối quan hệ với Công ty (là chủ đầu tư trường học) đảm bảo sự thống nhất giữa các quy định pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp với các quy định chuyên ngành về quản lý giáo dục

5. Tỷ lệ phần trăm của học sinh/sinh viên Việt Nam học tại các trường học quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài thấp

Theo quy định tại Điều 24, khoản 1, Nghị định số 73 về Tiếp nhận học sinh Việt Nam thì cơ sở giáo dục phổ thông được phép tiếp nhận học sinh Việt Nam, nhưng số học sinh Việt Nam ở trường tiểu học và trung học cơ sở không quá 10% tổng số học sinh của trường, ở trường trung học phổ thông không quá 20% tổng số học sinh của trường. Tỷ lệ % này là quá ít gây khó khăn cho nhà trường trong việc tổ chức bố trí giảng dạy đặc biệt là giảng dạy các môn học cho học sinh Việt Nam, cụ thể là các môn học bắt buộc. Thực tế, một số trường không có nhiều học sinh là người nước ngoài. Hơn thế, trong bối cảnh hội nhập, nhu cầu học sinh Việt Nam muốn học chương trình quốc tế rất nhiều. Bố mẹ Việt Nam phải đưa con em mình ra nước ngoài để học tập rất với chi phí cao gấp nhiều lần. Vậy thì tại sao chúng ta không tận dụng và khuyến khích cho học sinh Việt Nam được vào học các trường quốc tế có chất lượng đào tạo như ở nước ngoài? Việc khống chế về mặt tỷ lệ % như trên chỉ làm hạn chế nhu cầu và mong ước của phụ huynh và học sinh Việt Nam muốn tham gia học tập chương trình giáo dục quốc tế.

Trên thực tế cấp phép đầu tư và cấp phép hoạt động, tỷ lệ % này không được tuân thủ tạo ra sự không công bằng và cạnh tranh không lành mạnh giữa các trường. Có cơ sở giáo dục có vốn đầu tư của nước ngoài nhưng vẫn được cấp phép để tiếp nhận học sinh Việt Nam với tỷ lệ không hạn chế trong khi đó một số cơ sở lại không được cấp phép như vậy.

Chúng tôi đề nghị cần cho phép tỷ lệ tuyển sinh học sinh Việt Nam vào học các trường quốc tế cao hơn để tạo cơ hội cho các em được tham gia học tập môi trường giáo dục hiện đại đạt chuẩn quốc tế và tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc tổ chức, bố trí giảng dạy các môn học cho học sinh Việt Nam. Xóa bỏ sự phân biệt trường có yếu tố nước ngoài với trường Việt Nam.

Kết Luận

Kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển và điều này có lợi cho các công dân của Việt Nam. Chất lượng giáo dục và đào tạo là cần thiết để cung cấp lực lượng lao động có tay nghề cao để duy trì sự tăng trưởng này. Như đã đề cập trong phần giới thiệu của chúng tôi, điều này đòi hỏi sự nỗ lực chung của các bên liên quan hợp tác chặt chẽ với nhau để tìm giải pháp hiệu quả. Thông qua Diễn đàn Doanh nghiệp, Nhóm công tác Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ Việt Nam trong việc đạt được các tiềm năng kinh tế.

Ghi chú:

¹ Xem trang web của Dự án để biết thêm chi tiết: <http://hau.edu.vn/en/hau-jicapproject>

² Tham khảo bài report tại đây: <http://hau.edu.vn/media/22/ufdownload22386.pdf>

³ Ví dụ, xem trang web sau đây để thực hiện các bài kiểm tra kỹ năng hoạt động trong trung tâm gia công cơ khí:

<http://hau.edu.vn/en/page/jicapproject/html/project-overview>

⁴ 5S là một phương pháp để tổ chức một nơi làm việc, đặc biệt là nơi làm việc chung (như một nhà xưởng hay một không gian văn phòng) và giữ nó có tổ chức. 5S là danh sách 5 từ tiếng Nhật bao gồm Seiri (Sắp xếp), Seiton (Xếp theo thứ tự), Seiso (Sạch), Seiketsu (Tiêu chuẩn), và Shitsuke (Bền vững/kỷ luật tự giác). Liên quan đến các hoạt động 5S của HaUI, xem trang web sau đây: <http://hau.edu.vn/en/page/jicapproject/detail/53280>

⁵ Tham khảo: Thông tư liên tịch số 27/2010/TTLT-BGDĐT ngày 28 Tháng 10 năm 2010 do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành. Tại thời điểm này, khoảng 20 trường đại học chấp nhận đơn xin của sinh viên trường cao đẳng nghề.